

Bản án số: 31/2019/HSST
Ngày: 17/10/2019

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

- Th1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giũ;

Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1995; sinh quán tại tỉnh Đồng Th; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố Rọc ChA A, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Long A; Nghề nghiệp làm thuê; Trình độ văn hóa 6/12; Dân tộc Kinh; giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1968; Chồng Nguyễn Chí T (chưa ly hôn), đến năm 2016 chung sống như vợ chồng với Huỳnh Văn D (Thiên) đến nay; Có con là Nguyễn Chí Th2, sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 03/6/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1996. Trú tại tổ 12, ấp BT, xã BM huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1983. Trú tại ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Ph1, sinh năm 1984. Trú tại ấp BH 2, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

3. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1966. Trú tại ấp BQ, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1957. Trú tại ấp BH 2, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979. Trú tại ấp BH 2, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Bi Đ, sinh năm 1989. Trú tại ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

7. Ông Huỳnh Văn D (Thiên), sinh năm 1993. Trú tại ấp BQ, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 03/12/2018, Trần Tuấn A (Tuấn), sinh năm 1983 ngụ ấp BT, xã BM, huyện CP tổ chức uống rượu tại nhà; những người tham gia uống rượu gồm: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1996, Nguyễn Văn Ph1, sinh năm 1984. Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, Tuấn A điện thoại rủ Huỳnh Văn D (Thiên), sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1995 (vợ D) đến uống rượu. Trong lúc uống rượu T1 cự cãi với D và Ph nên vợ chồng D bỏ về.

Khi D và Ph đi được khoảng 15 mét, T1 đi theo tay cầm khúc gỗ dài khoảng 50cm quơ vào mặt Ph nhưng không trúng do Ph né kịp, D vào can ngăn, xô T1 ra không cho T1 đánh Ph. Lúc này cây kéo trong ba lô của Ph rơi xuống đất, Ph khom người nhặt kéo lên, thấy T1 đang đứng quay lưng về phía Ph; Ph tay phải cầm kéo đâm vào lưng T1 02 cái; T1 quay mặt lại dùng tay đánh Ph. D đứng đối diện với T1 dùng tay xô T1 ra; T1 vẫn xông về phía Ph nên bị Ph dùng tay phải cầm kéo đâm vào ngực T1 02 cái nên T1 bỏ chạy. Ph nhặt khúc gỗ do T1 dùng để đánh Ph cầm trên tay, D điều khiển xe mô tô chở Ph đi một đoạn về hướng Long Xuyên thì Ph ném bỏ khúc gỗ.

Sau khi bị đâm, T1 được gia đình chuyển đến Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang điều trị đến ngày 11/12/2018 xuất viện. Sau khi gây thương tích cho T1, Ph bỏ trốn lên tỉnh BD làm thuê, đến ngày 03/6/2019 Ph bị bắt tạm giam.

Vật chứng còn đang thu giữ 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng dài 14 cm, đã qua sử dụng.

Qua điều tra, bị cáo Ph khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Lời khai của bị hại ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Khoảng 09 giờ ngày 03/12/2018 T1 uống rượu với một số người bạn đến 13 giờ cùng ngày thì nghỉ. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày T1 tiếp tục đến nhà Tuấn A uống rượu. Trong lúc uống rượu T1 với vợ chồng D, Ph cự cãi nên vợ chồng D về. T1 cũng ra về, đi được 15 mét T1 đứng nói chuyện với D thì cảm giác bị đâm vào lưng; T1 quay lại thấy Ph nên dùng tay xô Ph. Lúc này D dùng tay kéo hai tay T1 về phía sau, Ph cầm hung khí đâm vào người T1. T1 vùng vẫy thoát ra, T1 bị thương tích nên được gia đình đưa đi cấp cứu. T1 khẳng định không cầm khúc gỗ đánh Ph. T1 yêu

cầu xử lý hình sự D và Ph, yêu cầu bồi thường chi phí điều trị thương tích số tiền 10.000.000 đồng.

Lời khai của người làm chứng ông Huỳnh Văn D (Thiên) trình bày: Nguyễn Thị Ph là vợ của D. Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 03/12/2018 D và Ph đến nhà Tuấn A uống rượu. Trong lúc uống rượu D có cự cãi với T1 nên D và Ph giận bỏ về. T1 cầm khúc gỗ đi theo chửi và đánh Ph, D giật khúc gỗ và can ngăn không cho T1 đánh Ph nhưng T1 vẫn xông vào đánh Ph; sau đó D thấy T1 bỏ chạy. Do trời tối nên D không xác định Ph có cầm kéo đâm T1 hay không.

Lời khai của những người làm chứng Trần Tuấn A (Tuấn); Nguyễn Văn Ph1; Phạm Thị H; Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Bi Đ trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Tại bản kết luận giám định số 07/19/TgT ngày 08/01/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo ngực trái kích thước 01 x 0,3 cm.
- Sẹo ngực trái đường rách sau kích thước 01 x 0,3 cm.
- Sẹo lưng phải kích thước 02 x 0,3cm, thẩu ngực, tràn khí màng phổi phải đã phẫu thuật dẫn lưu.
- Sẹo lưng trái kích thước 01 x 0,2cm.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 11% (Mười một phần trăm).

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS-CP ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CP đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện CP để xét xử Nguyễn Thị Ph về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, bị cáo nhận tội, đồng ý bồi thường chi phí điều trị cho T1 là 10.000.000đ, không trả luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP thực hành quyền công tố tại Tòa giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ph từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.
- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của đương sự về việc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng.
- Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng dài 14 cm, đã qua sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CP, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa, một số người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, những người này có lời khai trong hồ sơ vụ án, lời khai này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến phản bác và cũng không yêu cầu triệu tập họ đến phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với một số người làm chứng là phù hợp với quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về trách nhiệm hình sự:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị hại; những người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06/12/2018 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Do bị hại T1 và D (chồng của bị cáo Ph) cự cãi nhau trong lúc uống rượu mà bị cáo và D bỏ về trước được khoảng 15m thì T1 đi theo sau cầm khúc gỗ quơ thì bị cáo Ph né kịp, D vào can ngăn không cho T1 đánh bị cáo Ph, Ph khom xuống nhặt kéo và dùng kéo đâm vào lưng T1 02 cái, T1 quay người lại định đánh Ph, D xô T1 ra nhưng T1 vẫn xông về phía Ph nên Ph dùng kéo tiếp tục đâm vào ngực T1 gây thương tích nên T1 bỏ chạy và được gia đình đưa đi cấp cứu. Hành vi của bị cáo Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cố ý gây thương tích”. Tỷ lệ tổn thương trên cơ thể của bị hại là 11%, do bị cáo dùng cây kéo là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại nên tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xác định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện CP là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật hình sự. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra.

[2.2] Về nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng hung khí gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ cá nhân mà bị cáo cố

tình thực hiện tội phạm. Điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo mức án thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo Th1 người tốt sống có ích cho xã hội, đồng thời ngăn ngừa loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Th1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đồng thời, bị hại cũng có một phần lỗi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[2.3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo Ph phải bồi thường chi phí điều trị là 10.000.000đ, bị cáo đồng ý sẽ bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bị hại và bị cáo, sự tự nguyện này là phù hợp, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[2.4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng dài 14 cm, đã qua sử dụng. Xét, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, nên theo quy định tại Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tịch thu để tiêu hủy.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với Huỳnh Văn D (Thiên), là người đi cùng bị cáo Ph chỉ can ngăn bị cáo và T1 đánh nhau và cũng không có bàn bạc trước với bị cáo trong việc gây thương tích cho Toàn nên D không bị xem là đồng phạm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 46, Điều 47; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ph phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ph 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/6/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự thỏa thuận của bị cáo đồng ý sẽ bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu để tiêu hủy 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng dài 14 cm, đã qua sử dụng.

(Cây kéo hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh An Giang đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/10/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện CP và Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ph phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện KSND HCP;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Nhà Tạm giữ;
- Thi hành án DS HCP;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Sở TP;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ